

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐH
TỈNH BẠC LIÊU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:125/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 14-10-2019

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Hoàng

2. Ông Nguyễn Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị An, Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐH.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên
tòa: Ông Trần Đăng Khoa-Kiểm sát viên.*

Ngày 14 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 276/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2019/QĐXX-ST ngày 11 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Tuyết H, sinh năm 1991 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 213, ấp CTB, thị trấn HB, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Võ Đ, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã Long Điền Đông A, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trần Tuyết H trình bày: Chị với anh Trần Võ Đ chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LĐĐA theo quy định pháp luật. Vợ chồng chị có 01 người con chung tên Trần Hoàng H, sinh ngày 29/01/2014. Quá trình chung sống vợ chồng Chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và hiện nay vợ chồng chị không còn chung sống với nhau. Cháu Trần Hoàng H đang sống cùng chị. Chị H yêu cầu được ly hôn với anh Đ, yêu cầu được nuôi con và

không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Võ Đ được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Tòa án không tiến hành ghi lời khai của anh Đ được. Tuy nhiên, mẹ ruột anh Trần Võ Đ xác định các lần nhận giấy triệu tập đều có thông báo cho anh Đ biết. Anh Đ đồng ý ly hôn với chị H nhưng vì anh bận việc nên không về được.

Ý kiến của kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trần Tuyết H đối với anh Trần Võ Đ. Giao cháu Trần Hoàng H, sinh ngày 29/01/2014 cho chị Trần Tuyết H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trần Võ Đ được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Buộc chị Trần Tuyết H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Võ Đ được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của anh Đ không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Tuyết H và anh Trần Võ Đ chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân giữa chị H và anh Đ là tự nguyện và hợp pháp. Chị H xác định đã không còn sống chung với anh Đ từ khoảng tháng 3 năm 2019 đến nay, chị thật sự không còn tình cảm với anh Đ, cho dù Tòa án có động viên nhưng chị nhất quyết không quay về đoàn tụ với anh Đ. Hội đồng xét xử nhận thấy, cuộc sống hôn nhân giữa chị H và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[3] Về con chung: Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Trần Hoàng H. Hiện nay cháu Huy cũng đang sống cùng chị H. Anh Đ không có ý kiến gì đối với yêu cầu này của chị H nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Trần Hoàng H, sinh ngày 29/01/2014 cho chị Trần Tuyết H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Võ Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng: Chị Trần Tuyết H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Tuyết H xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Tuyết H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 51, Điều 53; Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Tuyết H đối với anh Trần Võ Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Hoàng H, sinh ngày 29/01/2014 cho chị Trần Tuyết H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Trần Võ Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Tuyết H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng. Chị H đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003718 ngày 19/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐH được chuyển thu án phí.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện ĐH;
- Cơ quan THA huyện ĐH;
- Lưu: HS; VT-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Ngọc Diễm

